

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-ST.

Ngày: 16 - 4 - 2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 651/2018/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số A đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ký đơn khởi kiện theo ủy quyền: Ông Đ – Phó Giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông T – Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: Số B đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà J và ông T (đều vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn U, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn – ông T trình bày có nội dung như sau:

Ngày 06/12/2016, Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk cùng với bà J và ông T đã thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số: 16.36.0188/2016-HDTD/NHCT502, theo đó bà J và ông T có vay Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk số tiền là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) tiền gốc vay. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền này cho bà J và ông T theo Giấy nhận nợ số CIF 800372296 ngày 06/12/2016.

Theo hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng, cụ thể ngày đến hạn của khoản vay này là ngày 06/12/2021; lãi suất vay là 8%/năm; mục đích vay tiền là mua ô tô tiêu dùng, thời hạn trả nợ là 60 tháng, mỗi tháng trả 10.200.000 đồng, tháng cuối cùng trả 8.200.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn trả nợ lãi là ngày 30 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 06/12/2016, bà J và ông T cùng với Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 16.36.0188/HĐTC, tài sản thế chấp là xe ô tô tải pickup cabin kép 05 chỗ, nhãn hiệu F, số loại R, biển số xe: M, số khung: N, số máy: P, màu sơn: xanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số Q do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/12/2016. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay đến nay, bà J và ông T mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 163.200.000 đồng tiền gốc vay. Khoản vay của bà J và ông T đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 03/5/2018.

Tính đến hết ngày xét xử 16/4/2019, tổng số tiền nợ vay của bà J và ông T tại Ngân hàng cụ thể như sau:

+ Nợ gốc là 446.800.000 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2019 là 54.243.652 đồng.

Ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà J và ông T trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình chây ỳ không chịu trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng X khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết:

- Buộc bà J và ông T phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/4/2019 cho Ngân hàng X. Tổng số tiền 501.043.652 đồng; Trong đó:

+ Nợ gốc là 446.800.000 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2019 là 54.243.652 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 16.36.0188/2016-HDTD/NHCT502 từ ngày 17/4/2019 cho đến khi bà J và ông T thanh toán hết nợ tại Ngân hàng.

Trong trường hợp bà J và ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ hết nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 16.36.0188/HĐTC ngày 06/12/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ.

2. Đối với bị đơn bà J và ông T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bà J và ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng X. Tuyên buộc bà J và ông T thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tổng số tiền 501.043.652 đồng; trong đó: Nợ gốc là 446.800.000 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2019 là 54.243.652 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 16.36.0188/2016-HDTC/NHCT502 từ ngày 17/4/2019 cho đến khi bà J và ông T thanh toán hết nợ tại Ngân hàng. Về án phí bà J và ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bà J và ông T nhiều lần, nhưng bà J và ông T không đến Tòa án làm bản tự khai, hòa giải theo quy định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bà J và ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do là lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà J và ông T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06 tháng 12 năm 2016 Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk có ký hợp đồng tín dụng 16.36.0188/2016-HDTC/NHCT502 với bà J và ông T. Theo hợp đồng Ngân hàng cho bà J và ông T

vay số tiền 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) tiền gốc vay, thời hạn trả nợ là 60 tháng, mỗi tháng trả 10.200.000 đồng, tháng cuối cùng trả 8.200.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn trả nợ lãi là ngày 30 hàng tháng, mục đích vay mua ô tô phục vụ tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà J và ông T thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 163.200.000 đồng tiền gốc vay, số tiền gốc và lãi còn lại chưa thanh toán. Như vậy, bà J và ông T đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà J và ông T có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền 501.043.652 đồng; trong đó: Nợ gốc là 446.800.000 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 16/4/2019 là 54.243.652 đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 16.36.0188/2016-HDTD/NHCT502 từ ngày 17/4/2019 cho đến khi bà J và ông T thanh toán hết nợ tại Ngân hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nói trên, bà J, ông T ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 16.36.0188/HĐTC, ngày 06/12/2016 với Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk tài sản thế chấp là xe ô tô tải Pickup Cabin kép 05 chỗ, nhãn hiệu F, số loại R, biển số xe: M, số khung: N, số máy: P, màu sơn: xanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số Q do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/12/2016. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp này đã tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, cho nên khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà J và ông T không tự nguyện thi hành thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp bà J và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ về tài sản thế chấp nêu trên cho bà J và ông T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà J và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: 20.000.000 đồng + $(101.043.652 \times 4\%) = 24.041.176$ đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.203.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0011506, ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

1.1 Buộc bà J và ông T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng X tổng số tiền 501.043.652 đồng (*Năm trăm lẻ một triệu, không trăm bốn ba nghìn, sáu trăm năm hai đồng*); trong đó tiền gốc vay là 446.800.000 đồng (*Bốn trăm bốn sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*); tiền lãi là 54.243.652 đồng (*Năm tư triệu, hai trăm bốn ba nghìn, sáu trăm năm hai đồng*) tính đến ngày 16/4/2019.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 17/4/2019 trên số nợ gốc vay theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 16.36.0188/2016-HDTD/NHCT502, ngày 06/12/2016 cho đến khi bà J và ông T thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

1.2. Trường hợp bà J và ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ hết các khoản nợ trên thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải Pickup Cabin kép 05 chỗ, nhãn hiệu F, số loại R, biển số xe: M, số khung: N, số máy: P, màu sơn: xanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số Q do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/12/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp bà J và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ về tài sản thế chấp nêu trên cho bà J và ông T.

2. Về án phí:

Bà J và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.041.176 đồng án phí DSST.

Ngân hàng X – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.203.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0011506, ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Duy Dương